

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU
DẦU KHÍ VŨNG ÁNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 27



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng là một công ty cổ phần được thành lập theo Nghị quyết số 1625/NQ-DKVN ngày 29/05/2007 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 20/07/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về cổ đông sáng lập, tỷ lệ góp vốn, trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 21/05/2008 đến thay đổi lần 6 ngày 26/08/2011; theo đó số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 3000413193 trong đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/08/2011.

Hoạt động chính trong năm 2011 của Công ty bao gồm kinh doanh xăng dầu và cho thuê kho bãi.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại Quảng Bình	Thôn Dy Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Chi nhánh Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại tỉnh Nghệ An	Xóm 11, xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Công ty có trụ sở chính tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Trịnh Kim Nhạc	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Nga	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Tô Văn	Ủy viên Hội đồng quản trị

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2010
- Ông Nguyễn Thái Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/08/2007
- Ông Trần Tiến Đại	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/01/2011

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty cổ phần xăng dầu khí Vũng Áng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011 của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/03/2012 từ trang 05 đến trang 27 đính kèm.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Áng tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM

**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
PKF VIỆT NAM**

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0445/KTV

PKF Vietnam Auditing Company Limited | ABN 411209545

Head Office:

No.42, Lot 6 Trung Yen 14 Street | Trung Yen New Urban Area | Cau Giay District | Ha Noi | Viet Nam

Tel: (84-4) 3783 3911/12/13 | Fax: (84-4) 3783 3914 | Email: hn@pkf.com.vn | www.pkf.com.vn

NGUYỄN QUỲNH TRANG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1469/KTV

Trang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.071.141.876	224.412.043.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.551.103.818	179.739.004.993
1. Tiền	111		21.551.103.818	10.089.004.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	169.650.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.066.043.067	14.274.315.149
1. Phải thu khách hàng	131		30.099.499.026	6.065.166.740
2. Trả trước cho người bán	132		1.977.173.694	6.140.868.314
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	1.989.370.347	2.068.280.095
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	6.049.724.802	26.094.981.611
1. Hàng tồn kho	141		6.049.724.802	26.094.981.611
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.270.189	4.303.742.041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	276.824.103	200.073.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.501.058.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	12.404.572	12.404.572
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	115.041.514	590.205.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		231.454.851.419	204.388.456.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		230.340.661.340	204.272.910.411
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	208.109.727.580	3.220.435.778
- Nguyên giá	222		222.746.658.092	3.717.747.733
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.636.930.512)	(497.311.955)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	15.748.240.135	7.358.733.633
- Nguyên giá	228		15.906.924.963	7.433.716.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.684.828)	(74.982.367)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	6.482.693.625	193.693.741.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.114.190.079	115.546.578
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.114.190.079	115.546.578
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293.525.993.295	428.800.500.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.071.141.876	224.412.043.794
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.551.103.818	179.739.004.993
1. Tiền	111		21.551.103.818	10.089.004.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	169.650.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.066.043.067	14.274.315.149
1. Phải thu khách hàng	131		30.099.499.026	6.065.166.740
2. Trả trước cho người bán	132		1.977.173.694	6.140.868.314
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	1.989.370.347	2.068.280.095
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	6.049.724.802	26.094.981.611
1. Hàng tồn kho	141		6.049.724.802	26.094.981.611
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		404.270.189	4.303.742.041
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	276.824.103	200.073.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.501.058.644
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	12.404.572	12.404.572
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	115.041.514	590.205.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		231.454.851.419	204.388.456.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		230.340.661.340	204.272.910.411
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	208.109.727.580	3.220.435.778
- Nguyên giá	222		222.746.658.092	3.717.747.733
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.636.930.512)	(497.311.955)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	15.748.240.135	7.358.733.633
- Nguyên giá	228		15.906.924.963	7.433.716.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.684.828)	(74.982.367)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	6.482.693.625	193.693.741.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.114.190.079	115.546.578
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.114.190.079	115.546.578
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293.525.993.295	428.800.500.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		168.412.901.633	330.251.156.856
I. Nợ ngắn hạn	310		59.838.145.259	227.003.470.482
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		4.787.507.627	224.628.876.573
3. Người mua trả tiền trước	313		1.066.398.309	1.875.416.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	10.715.590.077	5.980.634
5. Phải trả người lao động	315		2.117.316.477	294.678.819
6. Chi phí phải trả	316		1.257.377.996	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	39.893.954.773	198.517.628
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		108.574.756.374	103.247.686.374
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	108.574.756.374	103.247.686.374
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.113.091.662	98.549.343.927
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	125.113.091.662	98.549.343.927
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25.113.091.662	(1.450.656.073)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		293.525.993.295	428.800.500.783

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	THUYẾT MINH	31/12/2011	31/12/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		27.000.036.546	134.478.493.737
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



BÙI ĐỨC DUY

Kế toán trưởng



Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

NGUYỄN TRUNG KIÊN


Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2011	NĂM 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	1.971.118.715.926	197.564.193.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.15	1.971.118.715.926	197.564.193.048
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16	1.900.921.840.737	193.725.909.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.196.875.189	3.838.284.033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17	9.641.110.772	2.017.140.119
7. Chi phí tài chính	22	VI.18	7.205.968.351	1.054.826.252
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.205.968.351	1.054.826.252
8. Chi phí bán hàng	24		4.435.110.315	519.203.503
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.060.406.445	5.606.864.148
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.136.500.850	(1.325.469.751)
11. Thu nhập khác	31		17.462.994	144.550.000
12. Chi phí khác	32		19.665.767	261.478.531
13. Lợi nhuận khác	40		(2.202.773)	(116.928.531)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.134.298.077	(1.442.398.282)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.134.298.077	(1.442.398.282)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20	3.813	-


BÙI ĐỨC DUY
 Kế toán trưởng



Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

NGUYỄN TRUNG KIÊN
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2011	NĂM 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.134.298.077	(1.442.398.282)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.223.321.018	373.323.811
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.641.110.772)	(2.017.140.119)
- Chi phí lãi vay	06	7.205.968.351	1.054.826.252
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	49.922.476.674	(2.031.388.338)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15.815.505.688)	(3.414.749.812)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	20.045.256.809	(26.094.981.611)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(177.233.507.041)	210.615.534.093
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.075.393.879)	(292.331.774)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.205.968.351)	(1.054.826.252)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.570.550.342)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(132.933.191.818)	177.727.256.306
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(40.222.890.129)	(74.226.744.060)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	14.290.513.459
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.641.110.772	2.017.140.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.581.779.357)	(57.919.090.482)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.327.070.000	96.507.148.374
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.000.000.000)	(38.259.462.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.327.070.000	58.247.686.374
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(158.187.901.175)	178.055.852.198
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	179.739.004.993	1.683.152.795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.551.103.818	179.739.004.993

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 03 năm 2012



BÙI ĐỨC DUY
Kế toán trưởng



NGUYỄN TRUNG KIẾN
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần xăng dầu đầu khí Vũng Áng là một công ty cổ phần được thành lập theo Nghị quyết số 1625/NQ-DKVN ngày 29/05/2007 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 20/07/2007. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về cổ đông sáng lập, tỷ lệ góp vốn, trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 21/05/2008 đến thay đổi lần 6 ngày 26/08/2011; theo đó số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 3000413193 trong đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/08/2011.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- *Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Kinh doanh xăng dầu;*
- *Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: Tồn chứa xăng dầu;*
- *Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa chi tiết: Vận chuyển xăng dầu bằng đường thủy;*
- *Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chi tiết: Cho thuê kho cảng xăng dầu;*
- *Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Vận chuyển xăng dầu bằng đường bộ;*
- *Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: kinh doanh bất động sản.*

Công ty có trụ sở chính tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Đến ngày 31/12/2011, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 102 người, trong đó cán bộ quản lý là 18 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 18 năm
Máy móc thiết bị	05 – 18 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị quản lý	03 – 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	12 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vĩnh viễn tại các cửa hàng xăng dầu.

Tiền thuê đất có thời hạn

Tiền thuê đất có thời hạn là toàn bộ chi phí trực tiếp có liên quan Công ty đã bỏ ra để có được quyền sử dụng lô đất của văn phòng công ty tại số 417 đường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh trong thời hạn 50 năm và được phân bổ với thời gian phù hợp với thời gian thuê trong hợp đồng.

Chi phí giải phóng mặt bằng Tổng kho Vũng Áng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Tổng kho Vũng Áng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng Tổng kho xăng dầu Vũng Áng. Theo giấy phép ưu đãi đầu tư số 02/KTT của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng ngày 21/02/2008, khoản chi phí đền bù này sẽ được trừ dần vào tiền thuê đất hàng năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm kế toán mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm kế toán được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống kho chứa xăng dầu phục vụ kinh doanh và tồn trữ xăng dầu của Công ty bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí kiến thiết cơ bản khác, chi phí quản lý dự án và chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí đầu tư xây dựng dự án. Phần lớn tài sản của dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng cho mục đích kinh doanh nên trong năm 2011, Công ty đang thực hiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính do việc quyết toán toàn bộ giá trị công trình chưa hoàn tất (*bao gồm giá trị của các hạng mục đã nghiệm thu và quyết toán*). Giá trị xây dựng cơ bản dở dang còn lại là giá trị của các hạng mục chưa được nghiệm thu và quyết toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm xe ô tô và chi phí biển quảng cáo tại các cửa hàng xăng dầu của Công ty được phân bổ trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng một lần nhưng bản thân công cụ, dụng cụ đó tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính và chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 - 3 năm. Chi phí sửa chữa các cửa hàng được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 3 năm.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc niên độ bao gồm chi phí bảo hiểm và chi phí thuê thương hiệu của Tổng Công ty dầu khí Việt Nam, chi phí in lịch và chi phí kiểm toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 là số lợi nhuận từ hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện phân phối vào các quỹ.

Trong năm, Công ty đang chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ và tạm chia vào quỹ khen thưởng phúc lợi để chi thưởng cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán xăng dầu được ghi nhận kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê kho chứa được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/KKT ngày 21/02/2008 của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi.

Thuế thu nhập cá nhân

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/KKT ngày 21/02/2008 của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao bao gồm cả thu nhập thường xuyên và không thường xuyên (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) trực tiếp làm việc tại tổng kho.

Thuế đất

- Miễn tiền thuê đất, tiền sử dụng đất để làm nhà ở tập thể cho người lao động trực tiếp làm việc tại Tổng kho xăng dầu Vũng Áng trong suốt thời gian thực hiện dự án.
- Đất để xây dựng tổng kho phục vụ cho kinh doanh được miễn tiền thuê đất 15 năm, kể từ ngày hợp đồng thuê đất có hiệu lực pháp lý.
- Tiền thuê đất mà dự án phải nộp bằng 0,40% giá đất theo quy định hàng năm của UBND tỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo).

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu khác	1.989.370.347	2.068.280.095
+ Phải thu của các cửa hàng trưng	744.159.267	552.853.466
+ Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh (hỗ trợ lãi suất)	1.245.211.080	709.420.263
+ Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 90 ngày	-	694.856.366
+ Phải thu tiền điện bên ngoài sử dụng	-	111.150.000
Cộng	1.989.370.347	2.068.280.095

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
Hàng mua đang đi đường	36.582.828	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Hàng hoá	6.013.141.974	26.094.981.611
+ Kho Bắc Nghèn	289.555.754	348.638.826
+ Kho Công ty	311.077.443	101.382.476
+ Kho Kỳ Đồng	359.874.919	297.874.630
+ Kho Mai Phụ	284.942.756	394.045.461
+ Tổng kho Vũng Áng	2.281.124.659	24.953.040.218
+ Kho Quảng Tùng	544.646.349	-
+ Kho Quảng Tam	561.812.331	-
+ Kho Bình Lộc	213.929.292	-
+ Kho Kỳ Thịnh	568.830.285	-
+ Kho Kỳ Văn	298.816.493	-
+ Kho Xuân An	298.531.693	-
Hàng gửi bán	-	-
Tổng giá trị của hàng tồn kho	6.049.724.802	26.094.981.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	6.049.724.802	26.094.981.611

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Biển quảng cáo các cửa hàng xăng dầu	245.352.956	22.788.994
Bảo hiểm xe ô tô	31.471.147	16.623.750
Dịch vụ BH tài sản công trình dân dụng	-	160.660.981
Cộng	276.824.103	200.073.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo).

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	12.404.572	12.404.572
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	<u>12.404.572</u>	<u>12.404.572</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Khoản tạm ứng chưa thanh toán	24.329.700	590.205.100
Tài sản thiếu chờ xử lý	90.711.814	-
Cộng	<u>115.041.514</u>	<u>590.205.100</u>

0133
CÔNG
TCH NH
KIỂM
KF V
U GI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	972.203.071	49.481.819	2.141.836.747	554.226.096	-	3.717.747.733
Mua trong năm	7.762.781.946	32.173.862.508	8.364.641.818	3.220.592.546	3.371.782.254	54.893.661.072
Đầu tư XD CB hoàn thành	137.627.615.059	-	26.507.634.228	-	-	164.135.249.287
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	146.362.600.076	32.223.344.327	37.014.112.793	3.774.818.642	3.371.782.254	222.746.658.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	72.915.230	4.151.988	218.370.857	201.873.880	-	497.311.955
Khấu hao trong năm	8.564.168.625	2.359.717.520	2.487.794.475	446.956.082	280.981.855	14.139.618.557
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	8.637.083.855	2.363.869.508	2.706.165.332	648.829.962	280.981.855	14.636.930.512
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	899.287.841	45.329.831	1.923.465.890	352.352.216	-	3.220.435.778
Tại ngày 31/12/2011	137.725.516.221	29.859.474.819	34.307.947.461	3.125.988.680	3.090.800.399	208.109.727.580

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 120.394.804 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố cho vay: 185.050.020.789 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vĩnh viễn các kho xăng dầu	Tiền thuê đất 50 năm khu VPCT số 417	Chi phí đền bù GPMB kho Vũng Áng	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	2.040.150.000	4.572.873.000	803.693.000	17.000.000	7.433.716.000
Mua trong năm	8.441.308.963	-	-	48.900.000	8.490.208.963
Đầu tư XDCB hoàn hành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(17.000.000)	(17.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	10.481.458.963	4.572.873.000	803.693.000	48.900.000	15.906.924.963
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	-	64.782.368	-	10.199.999	74.982.367
Khấu hao trong năm	-	91.457.460	-	4.994.997	96.452.457
Tặng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(12.749.996)	(12.749.996)
Tại ngày 31/12/2011	-	156.239.828	-	2.445.000	158.684.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	2.040.150.000	4.508.090.632	803.693.000	6.800.001	7.358.733.633
Tại ngày 31/12/2011	10.481.458.963	4.416.633.172	(*)803.693.000	46.455.000	15.748.240.135

(*) Giá trị đền bù giải phóng mặt bằng của Tổng kho của Công ty được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp ngân sách theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của Ban quản lý khu kinh tế Vũng Áng ngày 21/12/2008. Tuy nhiên, do Công ty được miễn tiền thuê đất trong 15 năm đầu hoạt động nên khoản chi phí này sẽ được trừ dần từ năm thứ 16.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 803.693.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	31/12/2010
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	6.482.693.625	193.693.741.000
<i>Trong đó các công trình lớn:</i>		
+ Công trình Tổng kho xăng dầu và cửa hàng	6.482.693.625	193.693.741.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Chi phí trả trước dài hạn	-	-
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	91.220.829	115.646.578
Chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu	1.022.969.250	-
Cộng	1.114.190.079	115.646.578

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
Thuế giá trị gia tăng	4.488.906.878	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.980.633	5.980.634
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.220.702.566	-
Cộng	10.715.590.077	5.980.634

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản thừa chờ giải quyết	7.788.872.797	-
Kinh phí công đoàn	43.363.546	27.568.166
Bảo hiểm xã hội	278.850	21.998.717
Bảo hiểm y tế	-	14.120.745
Các khoản phải trả phải nộp khác	32.061.439.580	134.830.000
+ Tổng công ty Dầu Việt Nam	18.769.603.757	10.900.000
+ Phải trả HĐQT Công ty CP XDDK Vũng Áng	150.000.000	108.000.000
+ Phải trả Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	2.801.237.755	-
+ Phải trả cổ tức năm 2011	10.000.000.000	-
+ Phải trả khác	340.598.068	15.930.000
Cộng	39.893.954.773	198.517.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
Vay dài hạn	108.574.756.374	103.247.686.374
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	108.574.756.374	103.247.686.374
Nợ dài hạn	-	-
+ Nợ dài hạn khác	-	-
Trái phiếu	-	-
Cộng	108.574.756.374	103.247.686.374

13.1 Các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hà Tĩnh	HĐ tín dụng sửa đổi BS số 05/2009/HĐTDSĐBS–NHPT ngày 07/12/2009	108.574.756.374	Trả theo quý, kỳ trả cuối cùng quý IV/2016	6,9%/năm	Quyền sử dụng đất và TS hình thành từ dự án
Cộng		108.574.756.374			

Tổng số gốc phải trả của hợp đồng vay này trong năm 2012 là 23.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu:

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DP tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	-	-	-	-	-	(8.257.791)	99.991.742.209
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.442.398.282)	(1.442.398.282)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	100.000.000.000	-	-	-	-	-	(1.450.656.073)	98.549.343.927
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	38.134.298.077	38.134.298.077
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	(1.570.550.342)	(1.570.550.342)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	-	-	-	-	-	25.113.091.662	125.113.091.662

(*): Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ và trích 1 phần vào quỹ phúc lợi để trả thưởng cho nhân viên và hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 87/NQ – DKVA-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 22/12/2011. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2011			31/12/2010		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-
+ Tổng công ty dầu Việt Nam (PV oil)	56.500.000.000	56.500.000.000	-	56.500.000.000	56.500.000.000	-
+ Công ty CP kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
+ Vốn góp của các cổ đông khác	23.500.000.000	23.500.000.000	-	23.500.000.000	23.500.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2011	Năm 2010
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(10.000.000.000)	-

Cổ tức:

	Năm 2011	Năm 2010
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	10%/năm	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	10%/năm	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu:

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.971.118.751.926	197.564.193.048
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	1.971.118.751.926	197.564.193.048
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất khẩu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.971.118.715.926	197.564.193.048
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	1.971.118.751.926	197.564.193.048
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Giá vốn hàng hoá đã bán	1.900.921.840.737	193.725.909.015
Giá vốn thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.900.921.840.737	193.725.909.015

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.641.110.772	2.017.140.119
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán ngoại tệ	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	9.641.110.772	2.017.140.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo).

18. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
Lãi tiền vay	7.205.968.351	1.054.826.252
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Lỗi bán ngoại tệ	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	7.205.968.351	1.054.826.252

19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	9.670.512.342	2.513.116.069
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.238.793.741	373.323.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.899.910.188.092	196.304.129.564
Chi phí khác bằng tiền	8.181.741.434	279.405.633
Cộng	1.932.001.235.609	199.469.975.077

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.134.298.007	(1.450.656.073)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	38.134.298.007	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.813	-

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2011	Năm 2010
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Số lượng CP phát hành thêm lưu hành trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2011, Tổng Công ty dầu Việt Nam, các công ty thuộc Tổng công ty dầu Việt Nam và Tổng Công ty dầu khí Việt Nam được nhận biết là bên liên quan đến Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	Công ty mẹ	Mua hàng	2.017.444.713.653
		Vay hàng	18.849.806.405
		Cho thuê kho	10.126.000.000
Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội	Công ty trong cùng tổng	Vay hàng	2.801.237.755
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng	500.000.000
Cty bảo hiểm dầu khí KV Bắc Trung bộ	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng	1.960.778.814

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>STT</u>	<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Khoản phải thu</u>	<u>Khoản phải trả</u>
	Phải thu khách hàng		
	Tổng công ty dầu Việt Nam	10.956.000.000	
	Phải trả người bán		
	Tổng công ty dầu Việt Nam		2.611.966.347
	Chi phí phải trả		
	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		1.500.000.000
	Phải trả khác		
1	Tổng công ty dầu VN		24.419.603.757
	+ Phải trả cổ tức		5.650.000.000
	+ Phải trả vay hàng		18.769.603.757
2	Công ty CP xăng dầu dầu khí Hà Nội		2.801.237.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Ban thư ký của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	<u>Năm 2011</u>
Tiền lương và phụ cấp	877.160.497
Tiền thưởng	475.141.268
Các khoản khác	144.000.000
Cộng	<u>1.496.301.765</u>

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 03 năm 2012



BÙI ĐỨC DUY
Kế toán trưởng



NGUYỄN TRUNG KIÊN
Giám đốc